

Số: 453/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 12, ngày 19 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Bùi Thị Q**, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: Tổ 22, Khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố H.

Và ông **Lê Đình N**, sinh năm 1990;

Nơi thường trú: Tổ 22, Khu phố 3A, phường T, Quận A, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2012 (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H cấp ngày 21/6/2012, Số:108; Quyền số: 01/2012). Nay bà Q – ông N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N có hai (02) người con chung là Lê Trúc L, sinh ngày: 13/9/2009 và Lê Đình Đăng K, sinh ngày:12/7/2011, sau khi ly hôn bà Q và ông N thỏa thuận bà Q sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung cho đến khi trưởng thành. Ông N có trách nhiệm cấp dưỡng

hàng tháng là 3.200.000 (ba triệu hai trăm ngàn) đồng/tháng/2 con tương ứng 1.600.000 (một triệu sáu trăm ngàn) đồng/tháng/con, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2019 cho đến khi các người con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí ông N nộp. Bà Q – ông N thỏa thuận: Ông N tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố H cấp ngày 21/6/2012, Số:108; Quyết số: 01/2012 không còn giá trị.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N có 02 (hai) con chung là Lê Trúc L, sinh ngày: 13/9/2009 và Lê Đình Đăng K, sinh ngày:12/7/2011. Giao 02 (hai) người con tên L và K cho bà Bùi Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Lê Đình N có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng là 3.200.000 (ba triệu hai trăm ngàn) đồng/tháng/2 con tương ứng 1.600.000 (một triệu sáu trăm ngàn) đồng/tháng/con, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2019 cho đến khi các người con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Bùi Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Đình N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Thị Q và ông Lê Đình N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Đình N tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông Lê Đình N được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0046810 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Đình N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND p.T, Q.A, TP.H;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Việt Hồng